TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2022/DS-ST
Ngày 22 - 02 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Triệu Tỷ.

2. Ông Lê Thanh Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM, ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

* *Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Đặng Việt H – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Sóc Trăng (theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của người đại diện theo pháp luật Ngân hàng N – BL 07).

Ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Lê Kim N – Cán bộ pháp chế, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Sóc Trăng (theo Giấy uỷ quyền số 70/GUQ-NHNoTPST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Sóc Trăng).

Cùng địa chỉ: đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Phan Thúy V, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trần Quang K, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

+ Ông Lê Phước T, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường X, Phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020 (BL 01), nguyên đơn Ngân hàng N:

Nguyên vào ngày 01/04/2015, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Sóc Trăng (sau đây viết tắt Ngân hàng) với bà Phan Thúy V có ký kết Hợp đồng tín dụng (Dùng cho khách hàng là hộ gia đình, cá nhân) số: 7601-LAV-201500359 ngày 01/04/2015 (sau đây viết tắt Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015 - BL 29), theo đó Ngân hàng cho bà V vay vốn với số tiền 840.000.000đồng, lãi suất 12%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 01/04/2020.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/04/2015 được ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) và bà Phan Thúy V (bên thế chấp - BL 32), bà Phan Thúy V thế chấp cho Ngân hàng: 01 xe ôtô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 (nhãn hiệu: VIETTRUNG; số loại: EQ1250GF6; màu sơn: vàng; số máy: 3A11S2F30016; số khung: D240F62A0118; tải trọng: 14200kg; số chỗ ngồi: 2 chỗ; có mui) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001680 ngày 31/03/2015 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp (sau đây viết tắt xe ôtô tải biển kiểm soát số 83C-029.70), trị giá tài sản thế chấp 1.190.000.000đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà V trả nợ gốc được 676.000.000đồng và trả lãi đến ngày 28/05/2020 được 262.866.667đồng thì ngưng nên Ngân hàng N khởi kiện. Sau khi khởi kiện bà V trả nợ gốc 6.000.000đồng (ngày 23/07/2020 trả 2.000.000đ, ngày 01/09/2020 trả 2.000.000đ và ngày 22/09/2020 trả 2.000.000đ).

Tài sản thế chấp xe ôtô tải biển kiểm soát số 83C-029.70, Ngân hàng giao cho bà V quản lý, sử dụng nhưng bà V đã bán cho ông Trần Quang K và ông Trần Quang K đã bán lại cho ông Lê Phước T, hiện ông T quản lý, sử dụng. Theo ông T việc bà V bán xe được Ngân hàng đồng ý, chứng kiến và có làm giấy tờ, có công chứng là không đúng; việc mua bán xe ôtô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 là do bà V, ông K và ông T tự thỏa thuận, tự mua bán với nhau, Ngân hàng không biết và không chứng kiến. Tính đến ngày 21/02/2022, bà V còn nợ Ngân hàng tiền gốc 158.000.000đồng và tiền lãi 122.399.148đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Phan Thúy V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 280.399.148đồng (tiền gốc 158.000.000đồng và

tiền lãi 122.399.148đồng) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 22/02/2022 cho đến khi trả tất nợ gốc. Trường hợp bà Phan Thúy V không thực hiện trả được nợ, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ôtô tải biển kiểm soát 83C-029.70, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/04/2015 để thu hồi nợ.

2. Bị đơn bà Phan Thúy V: Không có lời trình bày và đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang K bày ý kiến tại Văn bản lấy lời khai ngày 14/12/2021 như sau:

Nguyên khoảng tháng 10 năm 2018, ông K và bà Phan Thúy V có thỏa thuận với nhau về việc mua bán chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C – 029.70, bà V bán xe cho ông K với giá 360.000.000đồng, trong việc mua bán có lập thành văn bản. Tại thời điểm mua bán xe, ông K biết bà V đang thế chấp xe ô tô này tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay, nhưng ông vẫn đồng ý mua do ông có gặp ông Trung (không nhớ họ tên) là phó Giám đốc Ngân hàng và ông Cường (không nhớ họ tên) là nhân viên của Ngân hàng, ông Trung và ông Cường nói với ông nếu ông trả hết tiền thì ông sẽ được đứng tên. Số tiền mua xe, ông trả trước vào Ngân hàng thay cho bà V 150.000.000đồng, số tiền còn lại 210.000.000đồng ông trả góp cho Ngân hàng mỗi tháng 10.000.000 đồng và trả xong nợ. Ông đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng sau đó ông không được đứng tên.

Đến khoảng tháng 12 năm 2018, ông bán xe ô tô nêu trên lại cho ông Lê Phước T với giá 460.000.000đồng, mua bán không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng với nhau. Ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, vì ông đã bán xe ô tô trên cho ông T, ông không còn liên quan gì đến xe ô tô nêu trên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Thảo có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2021 và Bản trình bày ý kiến ngày 17/4/2021:

Năm 2018, ông có mua xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 từ ông Trần Quang K với giá 460.000.000đồng, việc mua bán xe có sự chứng kiến đồng ý của cả 04 bên, đó là Ngân hàng, ông Trần Quang K, bà Phan Thúy V và ông, tất cả đều ký vào biên bản thỏa thuận mua bán, mỗi bên giữ một bản, tuy nhiên do thời gian lâu quá, ông đã thất lạc giấy tờ này. Số tiền mua xe ông đã trừ tiền ông K thiếu là 163.850.000đồng (mua bia nợ), trả tiền cho ông K 86.150.000đồng, số tiền còn lại 210.000.000đồng ông đã trực tiếp trả Ngân hàng dùm cho Khánh (có biên lai theo tên khách hàng Phan Thúy V), số tiền ông trả cho Ngân hàng 210.000.000đồng cũng chính là số tiền mà ông K trình bày trả góp cho Ngân hàng nêu trên.

Khi mua ông biết xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 bà V đã thế chấp cho Ngân hàng, sau đó bà V thỏa thuận là bán xe lại cho ông K, ông K trả nợ thay cho bà V tại Ngân hàng được một khoản tiền, sau đó ông với ông K, bà V mới thỏa thuận ông mua lại xe này và tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền 210.000.000đồng nêu trên, khi trả xong thì ông sẽ được giải chấp đứng tên xe. Sau khi thỏa thuận ông K giao xe cho ông quản lý, sử dụng cho đến này.

Việc mua bán tài sản thế chấp xe ô tô tải nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Việc phía Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải nêu trên, hiện do ông đang quản lý, sử dụng để thu hồi nợ vay của bà V là không có căn cứ pháp luật. Còn việc ông K thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô tải có đặc điểm nêu trên với bà Phan Thúy V như thế nào thì ông không biết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2020, Ngân hàng N yêu cầu bà Phan Thúy V phải trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015, giữa Agribank – Chi nhánh thành phố Sóc Trăng (có Đăng ký Kinh doanh) với Phan Thúy V (không Đăng ký Kinh doanh), Tòa án xác định vụ án kinh doanh thương mại về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* là chưa đúng theo quy định. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 "*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*"; mặc dù Ngân hàng và bị đơn V (mua xe kinh doanh) đều có mục đích lợi nhuận, nhưng có một bên là bị đơn V không Đăng ký Kinh doanh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại là vụ án dân sự về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

[2] Ngày 24/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án. Đến ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng do bị đơn bà Phan Thúy V đã xuất cảnh sang nước Úc từ tháng 11/2019 và hiện đang sinh sống tại nước Úc (có yếu tố nước ngoài). Ngày 18/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và theo tài liệu, chứng cứ

thì bị đơn Phan Thúy V đã xuất cảnh đi nước ngoài và không rõ đia chỉ; hiện tại gia đình của bị đơn V cũng không còn tại nơi cư trú, nên thuộc trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 và 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và không áp dụng Điều 476 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt dù, vụ án không có yếu tố nước ngoài nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý nên tiếp tục giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn cũng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thúy V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đương sự khác vắng mặt có người đại diện, việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa Ngân hàng với bị đơn Phan Thúy V có xác lập và ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015 (BL 29), theo đó Ngân hàng cho bà V vay số tiền gốc 840.000.000đồng, lãi suất 12%/năm (lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); thời hạn cho vay 60 tháng, kể từ ngày 01/04/2015; theo Phụ lục hợp đồng tín dụng (số 7601-LAV-201500359/PLHĐ) ngày 01/04/2015 (BL 31), ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/04/2020. Đồng thời, để bảo đảm trả nợ tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/04/2015 (BL 32), bị đơn thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ôtô tải biển kiểm soát số 83C-029.70. Các hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định, được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo luật định.

[2] Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015 giữa Ngân hàng với bị đơn Phan Thúy V, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 17 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khach hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và quy trình xét cấp tín dụng đúng theo quy định tại Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

[3] Xét thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/4/2015 của bị đơn Phan Thúy V, đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền 840.000.000đồng, tài sản bảo đảm tiền vay là 01 xe ô tô tải biển số 83C-029.70 (BL 165) và tại Ủy nhiệm chi ngày 02/4/2015 được lập tại Ngân hàng, thể hiện bị đơn Phan Thúy V nhận số tiền 840.000.000đồng và chuyển cho Công ty TNHHTM Hoàng Long, với nội dung

"*Nhận tiền vay trả tiền mua xe*" (BL 166). Do đó, có căn cứ xác định bị đơn V có vay tại Ngân hàng số tiền gốc 840.000.000đồng, theo Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015 là sự thật và phù hợp với thực tế khách quan.

[4] Các bên thỏa thuận trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo phương thức tại Điều 2 Phụ lục hợp đồng tín dụng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Nhưng sau khi vay, bị đơn V trả nợ gốc được 676.000.000đồng và trả lãi đến ngày 28/05/2020 được 262.866.667đồng thì ngưng. Xét thấy, bị đơn V thực hiện không đúng theo thỏa thuận đã giao kết, nên bị đơn đã vi phạm hợp đồng và là người có lỗi, phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn V trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sau đây viết tắt Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016) và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Số tiền nợ gốc sau khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có trả 6.000.000đồng (ngày 23/07/2020 trả 2.000.000đ, ngày 01/09/2020 trả 2.000.000đ và ngày 22/09/2020 trả 2.000.000đ), tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Phan Thúy V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc 158.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/02/2022 là 122.399.148đồng (tổng cộng 280.399.148đồng) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 22/02/2022 cho đến khi trả tất nợ gốc. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 01/04/2015, tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và theo quy định Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; theo Điều 13, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, theo người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi 280.399.148đồng và trả lãi phát sinh là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Để đảm bảo khoản vay nêu trên, bị đơn Phan Thúy V đã dùng tài sản là xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70, do bà V đứng tên chủ sở hữu để thế chấp cho Ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/4/2015, đã được công chứng theo quy định của pháp luật (BL 32 đến 36) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh (BL 37). Xét thấy, tại thời điểm xác lập về hình thức và nội dung hợp đồng, thẩm quyền chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 342, Điều 343 và Điều 344 Bộ luật dân sự năm 2005, cho nên Hợp đồng thế chấp có giá

trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp các bên có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, theo người đại diện cho Ngân hàng yêu cầu nếu như bị đơn không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ. Đến khi án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn V phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên; nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền hoặc Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/4/2015) theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[7] Tuy nhiên, tài sản thế chấp xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70, khoảng tháng 10 năm 2018 bị đơn V bán cho ông Trần Quang K với giá 360.000.000đồng; khoảng tháng 12 năm 2018 ông K bán lại cho ông Lê Phước T với giá 460.000.000đồng; ông K và ông T đều thừa nhận biết xe ô tô tải trên đang thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm trả nợ vay. Tại phiên tòa, ông T xác nhận trong việc mua bán giữa bị đơn V với ông K có lập thành văn bản và có Ngân hàng chứng kiến, ký và đồng ý việc mua bán; việc mua bán giữa ông K với ông T chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản; người đại diện cho nguyên đơn thì không thừa nhận có việc Ngân hàng chứng kiến, ký và đồng ý cho việc mua bán, mà cho là các bên tự mua bán với nhau và không có sự đồng ý của Ngân hàng. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/12/2021 (BL 153), xác nhận "*việc mua bán xe giữa bà V với ông K*" theo Văn bản thỏa thuận (V/v thỏa thuận mua bán xe ô tô tải biển số 83C-029.70) (BL 102) và "*việc mua bán xe giữa ông K với ông T*" không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Xét thấy, ngoài lời trình bày của mình ra thì ông T cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh trong việc mua bán xe ô tô nêu trên giữa bị đơn V với ông K có Ngân hàng chứng kiến, ký và đồng ý việc mua bán; cũng tại Văn bản thỏa thuận (V/v thỏa thuận mua bán xe ô tô tải biển số 83C-029.70) thể hiện chỉ có bị đơn V với ông K thỏa thuận và ký kết, không có Ngân hàng tham gia và ký đồng ý việc mua bán như ông T trình bày. Do vậy, theo ông T trình bày trong việc mua bán xe ô tô có Ngân hàng chứng kiến, ký và đồng ý việc mua là không có sở.

[8] Theo quy định tại khoản 8 Điều 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015, người thế chấp tài sản: *"Không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 321 của Bộ luật này"*. Bị đơn V nhận thức được xe ô tô tải biển số 83C-029.70 là tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng và không được bán, chỉ được bán khi Ngân hàng (bên nhận thế chấp) đồng ý; các ông K và Thảo đều biết ô tô tải biển số 83C-029.70 đã thế chấp cho Ngân hàng; biết tài sản không được bán và cũng không được sự đồng ý của Ngân hàng nhưng bị đơn lại bán xe ô tô tải biển số 83C-029.70 cho ông K là giao dịch trái pháp luật, do vi phạm điều cấm của luật nên bị vô hiệu kể từ thời điểm xác lập theo quy định tại Điều 123, khoản 1 Điều 126 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao dịch mua bán giữa bị đơn V với ông K bị vô hiệu nên giao dịch mua bán giữa ông K với ông T cũng bị vô hiệu; các ông K và Thảo đều biết xe ô tô tải biển số 83C-029.70

đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng vẫn thực hiện việc mua là không ngay tình. Do vậy, việc mua bán bán ô tô tải biển số 83C-029.70 giữa bị đơn V với ông K, giữa ông K với ông T đều bị vô hiệu và không ngay tình, nên không được pháp luật bảo vệ. Do ông K và ông T đều không có yêu cầu độc lập để yêu cầu giải quyết việc mua bán xe ô tô tải biển số 83C-029.70 và giải quyết hậu quả của việc mua bán vô hiệu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[9] Mặt khác, tại phiên tòa ông T cũng đồng ý giao cho Ngân hàng xe ô tô tải biển số 83C-029.70 để xử lý, thu hồi nợ theo Ngân hàng yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu của ông T, yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông T số tiền 210.000.000đồng mà ông T đã trả thay cho bị đơn V, do ông T không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết, nếu có yêu cầu hoặc phát sinh tranh chấp sẽ thụ lý, giải quyết vụ án khác theo thủ tục chung. Do đó, khi nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, thì ông T phải có nghĩa vụ giao xe ô tô tải biển số 83C-029.70 cho Ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mãi theo quy định của pháp luật.

[10] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/05/2021, xe ô tô tải biển số 83C-029.70 hiện do ông Lê Phước T quản lý, sử dụng và tình trạng xe vẫn đang lưu hành bình thường. Do vậy, tiếp tục giao xe ô tô tải biển số 83C-029.70 cho ông Lê Phước T quản lý, sử dụng và bảo quản cho đến khi Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, thì ông T giao lại cho Ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền như nêu trên. Trong thời gian quản lý, bảo quản nếu để hư hỏng, mất thì phải bồi thường.

[11] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoản toàn có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[13] Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn V phải chịu 14.019.975đồng.

[14] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn V phải chịu 600.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 37, khoản 2 Điều 227, khoản 2 và 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 123, khoản 1 Điều 126, khoản 1 Điều 299, khoản 8 Điều 320, khoản 7 Điều 323, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn Phan Thúy V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Sóc Trăng số tiền gốc 158.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/02/2022 là 122.399.148đồng (tổng cộng 280.399.148đồng) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 22/02/2022 cho đến khi trả tất nợ gốc.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Phan Thúy V không tự nguyện thanh toán số tiền nợ trên thì Ngân hàng N có quyền hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải biển kiểm soát số 83C-029.70 (có mui nhãn hiệu: VIETTRUNG; Màu sơn: VÀNG; Số máy: 3A11S2F30016; Số khung: D240F62A0118; tải trọng: 14200kg; Số loại: EQ1250GF6; số chỗ ngồi: 2 chỗ), theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001680 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/03/2015 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 206/HĐTC ngày 01/4/2015) để thu hồi nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Sóc Trăng.

Giao xe ô tô tải biển số 83C-029.70 cho ông Lê Phước T tiếp tục quản lý, sử dụng và bảo quản cho đến khi Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, thì ông T phải giao lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Sóc Trăng hoặc cơ quan có thẩm quyền để xử lý, phát mãi theo luật định. Trong thời gian quản lý, bảo quản nếu để hư hỏng, mất thì phải bồi thường.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phan Thúy V phải chịu số tiền 14.019.975đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 5.901.000đồng theo biên lai thu số 0004456 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn Phan Thúy V phải chịu số tiền là 600.000đồng. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước nên khi bị đơn Phan Thúy V nộp số tiền 600.000đồng, hoàn trả cho Ngân hàng N.

4. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hùng Nuôi